TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 01 - 2026
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hòa
Ông Thạch Thanh Long

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Hồng Nhung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:** Ông Huỳnh Thanh Huấn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2025/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 10 năm 2025 về "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2026/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp C, xã T, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp C, xã T, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt không có lý do)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C. Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà C, bán đảo L, phường H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện hợp pháp cho ông Dương Quyết T: Ông Trần Quốc P1, chức vụ: Giám đốc Phòng C, tỉnh Vĩnh Long (theo Quyết định ủy quyền số: 7300/QĐ-NHCS, ngày 19/9/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng C về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án). (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Lê Thị N trình bày: Bà và ông Huỳnh Văn P do được mai mối quyết định tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C, tỉnh trà Vinh (nay là xã T,

tỉnh Vĩnh Long) vào năm 2002. Sau khi cưới, bà và ông P chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong sinh hoạt hàng ngày, không tin tưởng nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cự cải, bà khuyên can nhiều lần ông P không thay đổi mà còn đánh bà nên năm 2023 bà nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông P đến Tòa án. Tòa án thụ lý giải quyết mời nhiều lần ông P không đến Tòa nên bà rút lại đơn khởi kiện. Sau khi rút lại đơn kiện bà và ông P cũng không hàn gắn được mà sống ly thân từ năm 2023 đến nay không quan tâm gì đến nhau.

Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Văn P.

Về nuôi con: Bà và ông P có chung 02 người con tên Huỳnh Văn L, sinh ngày 18/10/2000 và Huỳnh Văn T1, sinh ngày 30/7/2002, hiện con đã thành niên có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Gồm có nữ trang cưới tổng cộng 02 chỉ vàng 18 kra và 05 phân vàng 24 kra (gồm bông tai 01 chỉ vàng 18 kra, dây chuyền 01 chỉ vàng 18 kra, nhẫn 05 phân vàng 24 kra) thời gian chung sống bà và ông P đã thống nhất bán hết số nữ trang để làm vốn chăn nuôi gia cầm nhưng việc chăn nuôi thua lỗ nên cũng không còn. Ngoài ra, bà và ông P còn được Nhà nước xây dựng tặng căn nhà tình thương, nhà được xây dựng nhờ trên đất của mẹ ruột bà và một số vật dụng sinh hoạt trong gia đình như tủ, bàn, ghế,…hiện tài sản này bà đang quản lý, sử dụng. Đối với tài sản chung bà không tranh chấp nên không khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Hiện bà và ông P còn nợ Phòng giao dịch Ngân hàng C số tiền 16.000.000 đồng. Ngoài ra không còn nợ ai khác. Cũng không ai nợ vợ chồng bà. Khi ly hôn, khoản nợ Ngân hàng C bà tự nguyện chịu trách nhiệm trả, không yêu cầu ông P cùng trả.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn ông Huỳnh Văn P biết nhưng ông P vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và cũng không có mặt tại phiên toà để trình bày ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà N.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Theo văn bản ngày 28/10/2025, ông Trần Quốc P1 đại diện Phòng C có lời trình bày hiện tại bà N và ông P còn nợ Ngân hàng số tiền 16.240.657 đồng (tiền gốc 16.000.000 đồng, tiền lãi 240.657 đồng). Qua làm việc với bà N, bà N tự nguyện nhận trách nhiệm trả nợ khi đến hạn. Do đó, Ngân hàng không khởi kiện tranh chấp khoản tiền vay trong vụ án ly hôn của bà N, ông P.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng đầy đủ theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện nghiêm quyền

và nghĩa vụ của mình, không có mặt tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, ông P vắng mặt không có lý do.

Về nội dung: Vị Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 54, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N.

Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị N được ly hôn với ông Huỳnh Văn P.

Về nuôi con tên: Huỳnh Văn L, sinh ngày 18/10/2000 và Huỳnh Văn T1, sinh ngày 30/7/2002 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về án phí sơ thẩm: Bà N phải nộp 300.000 đồng và được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003647 ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long thu, bà N đã nộp đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Ông Huỳnh Văn P là bị đơn trong vụ án nhưng tại phiên tòa xét xử lần thứ hai ngày 19/01/2026 ông P tiếp tục vắng mặt không có lý do. Đối với ông Trần Quốc P1 đại diện cho Ngân hàng C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Bà Lê Thị N khởi kiện ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1978, địa chỉ ấp C, xã T, tỉnh Vĩnh Long yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn ông P, ngoài ra không yêu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án *"Ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long.

[3]. *Về hôn nhân*: Bà Lê Thị N và ông Huỳnh Văn P tự nguyện kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Vĩnh Long) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 605/2002, ngày 19 tháng 12 năm 2002. Căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của bà N và ông P là hợp pháp.

[4]. Bà N cho rằng, trong cuộc sống hôn nhân của bà và ông P phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tin tưởng lẫn nhau, từ đó bà và ông P thường xuyên cự cải, ông P còn tác động vật lý đối với bà, sự việc kéo dài không khắc phục được nên bà và ông P đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Vì vậy bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

[5]. Đối với ông P, Toà án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho ông P do

Huỳnh Văn L và Huỳnh Văn T1(là con ruột ông P) nhận thay để ông tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Tại các phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải ngày 06/11/2025 và ngày 12/12/2025, ông P đều vắng mặt không có lý do nên phiên hòa giải đoàn tụ vợ chồng không tiến hành được. Ngày 09/01/2026, Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất, ngày 19/01/2026 Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ hai ông P vắng mặt nên phiên hòa giải đoàn tụ vợ chồng tại phiên tòa cũng không tiến hành được.

[6]. Kết quả xác minh đối với bà Trần Thu T2 là Chi Hội trưởng Hội phụ nữ ấp C, xã T, tỉnh Vĩnh Long cung cấp bà N và ông P đã sống ly thân cách nay khoản 02 đến 03 năm.

[7]. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà N và ông P đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nữa. Bởi lẽ, theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng thì " *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, ...* Mục đích của cuộc sống hôn nhân là để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng hôn nhân của bà N và ông P không đạt được mục đích đó. Khi mâu thuẫn, bà N và ông P không tìm giải pháp khắc phục mà sống ly thân, vào năm 2022 bà N đã khởi kiện xin ly hôn với ông P đã được Tòa án thụ lý vụ án số: 438/2022/TLST-HN ngày 25/10/2022, đến ngày 01/12/2022 Tòa án ra quyết định số: 10/2022/QĐST-HN đình chỉ giải quyết vụ án do bà N rút lại đơn khởi kiện. Sau khi rút đơn kiện bà N và ông P cũng không hàn gắn tình cảm vợ chồng được và đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, cho bà N được ly hôn ông P.

[8]. *Về nuôi con tên:* Huỳnh Văn L, sinh ngày 18/10/2000 và Huỳnh Văn T1, sinh ngày 30/7/2002. Bà N xác nhận Huỳnh Văn L và Huỳnh Văn T1 đã thành niên có sức khỏe, có việc làm, có thu nhập ổn định tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. *Về tài sản chung:* Bà N không khởi kiện yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[10]. *Về nợ chung phải thu, phải trả:* Đối với số tiền nợ Phòng giao dịch Ngân hàng C là 16.240.657 đồng (tiền gốc 16.000.000 đồng, tiền lãi 240.657 đồng) bà N tự nguyện nhận chịu trách nhiệm trả khi đến hạn. Ngân hàng C không khởi kiện yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[11]. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà N là nguyên đơn khởi kiện không thuộc trường hợp miễn, giảm án phí nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12]. Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2, 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 43 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 3, 19, 51, 53, 54 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị N.

Về hôn nhân: Bà Lê Thị N được ly hôn ông Huỳnh Văn P.

Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị N có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được cấn trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003647 ngày 30 tháng 9 năm 2025 do Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long thu. Bà N đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị N có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Huỳnh Văn P và Ngân hàng chích sách xã hội vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSNDKV 11- Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Trang